

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

V/v tranh chấp L hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.

2. Ông Trương Sô Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Loan Chi – Thẩm tra viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp L hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Thanh S**, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp STr, xã LN, huyện BB, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà **Hà Thị Trúc L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu vực LĐ, phường LH, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Thanh S trình bày: Vào năm 2006 ông và bà L do quen biết và sau một thời gian tìm hiểu nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau mỗi lần cự cãi và bà L đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã L thân từ đó đến nay.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu được L hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 người con tên Lê Ngọc Th (nữ), sinh ngày 04/10/2003 và Lê Hải Đ (nam), sinh ngày 20/12/2012 hiện nay 02 con chung

sống với ông. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Hà Thị Trúc L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông S về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông S thường xuyên đánh đập bà nên không thể chung sống với ông S. Bà đã về gia đình cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2014 đến nay.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông S bà đồng ý L hôn.

Về con chung: Bà đồng ý giao 02 người con chung cho ông S nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa;

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được L hôn với ông S, đồng ý giao 02 người con chung cho ông S nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Lê Thanh S và bà Hà Thị Trúc L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có Đ ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên ông S khởi kiện L hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp L hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Lê Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Ông S và bà L chung sống với nhau có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa không tin tưởng nhau và tình cảm gia đình nên ông S thường xuyên đánh đập bà. Đến nay bà xác định đã không còn tình cảm với ông S. Qua yêu cầu khởi kiện của ông S bà đồng ý L hôn.

Quá trình giải quyết vụ án ông S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đồng thời trong quá trình L thân không ai quan tâm đến ai. Từ đó cho thấy mâu

thuần giữa ông S và bà L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Qua yêu cầu L hôn của ông S bà L thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện L hôn của các đương sự.

[4] Về con chung: Có 02 người con tên Lê Ngọc Th (nữ), sinh ngày 04/10/2003 và Lê Hải Đ (nam), sinh ngày 20/12/2012 hiện đang sinh sống với ông S. Giữa ông S và bà L thống nhất giao con chung cho ông S nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh S.

- Về hôn nhân: Ông Lê Thanh S được L hôn với bà Hà Thị Trúc L.

- Về con chung: Giao Lê Ngọc Th (nữ), sinh ngày 04/10/2003 và Lê Hải Đ (nam), sinh ngày 20/12/2012 cho ông Lê Thanh S nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà Hà Thị Trúc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Hà Thị Trúc L không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thanh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0039344 ngày 25/3/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB, tỉnh Bình Dương (công nhận ông S đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Q. Ô Môn;
- Chi cục THA quận Ô Môn,
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phương Văn Chính